



PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

TRẦN VĂN KIÊN

Với dân số trên 100 triệu người, độ bao phủ của hạ tầng internet và viễn thông tương đối rộng khắp, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN. Tuy nhiên, Việt Nam đang đối diện với không ít thách thức như: Hành lang pháp lý, hạ tầng công nghệ cho đến nguồn nhân lực phát triển kinh tế số... Bài viết đánh giá tình hình phát triển kinh tế số ở Việt Nam thời gian qua, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khoá: Kinh tế số, internet, hạ tầng công nghệ

POLICY IMPLICATIONS TO PROMOTE THE DEVELOPMENT OF THE DIGITAL ECONOMY IN VIETNAM

Tran Van Kien

With a population of over 100 million people, and relatively wide coverage of internet and telecommunications infrastructure, Vietnam is considered as one of the countries with a good digital economy development rate in the ASEAN region. However, Vietnam is also facing challenges in legal corridor, technology infrastructure, and human resources to develop the digital economy... The article assesses the situation of digital economy development in Vietnam in the current period in the past time, thereby proposing policy implications to promote the development of the digital economy in Vietnam in the coming time.

Keywords: Digital economy, internet, technology infrastructure

Ngày nhận bài: 12/5/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 26/5/2022

Ngày duyệt đăng: 1/6/2022

Tổng quát về kinh tế số

Thuật ngữ “Kinh tế số” đã xuất hiện từ lâu, trước cả khái niệm Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), tuy nhiên, cùng với sự xuất hiện của CMCN 4.0, xu hướng số hóa hay công cuộc chuyển đổi số mới thực sự phổ biến và hiện diện ở mọi lĩnh vực, bởi vì “cốt lõi” của CMCN 4.0 chính là chuyển đổi số, với sự tích hợp của số hóa, kết nối/siêu kết nối và xử lý dữ liệu thông minh.

Về bản chất, đây là các mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của nền kinh tế dựa trên ứng dụng công nghệ số. Theo nhóm cộng tác kinh tế số Oxford, kinh tế số được hiểu là một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua internet. Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng...) mà công nghệ số được áp dụng.

Trong đời sống có thể dễ dàng bắt gặp hàng ngày những biểu hiện của công nghệ số xuất hiện ở bất cứ đâu trong đời sống như các trang thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến hay các ứng dụng về ăn uống; hoạt động vận chuyển, giao nhận... cũng tích hợp công nghệ số để đáp ứng nhu cầu thuận tiện cho khách hàng. Ở tầm vĩ mô kinh tế số có những đóng góp không nhỏ đối với hội nhập của các doanh nghiệp trong chuỗi công nghệ toàn cầu và tạo ra các giá trị về kinh tế lớn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tình hình phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số đối với hoạt động của Chính phủ để xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số mạnh mẽ nền hành chính công và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính phủ đề ra mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm phần mềm quốc tế để thúc đẩy quá trình số hóa hoạt động kinh doanh, xây dựng các thành phố thông minh, nâng cao hiệu quả các cơ chế, chính sách và đối thoại giữa nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp.

Đây là cơ sở để Việt Nam thực hiện thành công quá trình chuyển đổi số nền kinh tế và các hoạt động chính trị - xã hội và an ninh.

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0; trong đó, đặt mục tiêu đến năm 2025, nền kinh tế số Việt Nam sẽ đạt 20% GDP, phát triển được một cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam lớn mạnh. Nhằm hiện thực hoá mục tiêu trên, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó đặt mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP, tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP, tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%... Chương trình chuyển đổi số quốc gia có tính động, mở, bao trùm, tạo nền móng, làm cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh việc đặt ra các mục tiêu và xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, từ năm 2020 đến nay, đại dịch COVID-19 bùng phát, tác động đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của cả nước và tạo ra cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW. Dịch bệnh đã góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong cả quản lý và sản xuất kinh doanh, lưu thông phân phối và các hoạt động xã hội truyền thống khác. Hoạt động thương mại điện tử, làm việc, hội họp, học tập, tư vấn và kể cả vui chơi giải trí từ xa... ngày càng trở nên phổ biến. Khảo sát của của e-Conomy SEA công bố năm 2020 cho thấy, với dân số gần 100 triệu người, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN. Theo Báo cáo của e-Conomy SEA, chỉ tính riêng cấu phần kinh tế số internet/nền tảng trong năm 2020 của cả khu vực ASEAN đạt khoảng 105 tỷ USD (tăng 5% so với năm 2019) và dự kiến đến sẽ đạt 309 tỷ USD vào năm 2025. Indonesia là nước có doanh thu kinh tế số internet/nền tảng cao nhất với 44 tỷ USD năm 2020, tiếp theo là Thái Lan với 18 tỷ USD và Việt Nam với 14 tỷ USD. Báo cáo này cũng dự báo đến năm 2025, kinh tế số internet/nền tảng Việt Nam sẽ đạt mức 52 tỷ USD.

Trong năm 2021, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã công bố 34 nền tảng số "Make in Viet Nam". Các doanh nghiệp công nghệ số như: VNPT, Viettel, CMC, FPT... có tiềm lực, có đóng góp lớn trong phát

triển chính quyền số, kinh tế số với việc xây dựng các nền tảng số quốc gia. Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam hiện nay đã có bước tiến ở chỗ không chỉ gia công, lắp ráp cho nước ngoài. Với tinh thần "Make in Viet Nam", các doanh nghiệp đã vươn lên, sản xuất và làm chủ những sản phẩm, nền tảng công nghệ chuyển đổi số trong nước.

Nối tiếp những kết quả trên, trong năm 2022, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số ở mọi ngành trên phạm vi toàn quốc, toàn dân và toàn diện, là năm đầu thực hiện các chiến lược mới về hạ tầng số, dữ liệu, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số báo chí... Hướng đến hiện thực hoá mục tiêu, có 100.000 doanh nghiệp công nghệ số vào năm 2025, với ít nhất 10 doanh nghiệp công nghệ số đóng vai trò dẫn dắt, có năng lực cạnh tranh quốc tế, doanh thu trên 1 tỷ USD; có ít nhất 10 địa phương đạt doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin trên 1 tỷ USD. Ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông dịch chuyển từ gia công, lắp ráp sang "Make in Viet Nam", tức sản xuất sản phẩm tại Việt Nam, đạt trên 45%...

Theo khảo sát, trong hệ sinh thái số ở Việt Nam, có ba thị trường nổi bật là viễn thông, công nghệ thông tin và thương mại điện tử; trong đó, thương mại điện tử, một trong những cấu phần trọng yếu nhất của kinh tế số Việt Nam tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và quy mô thị trường, đạt mức 5,2 tỷ USD.

Nhìn chung, mặc dù có nhiều điểm thuận lợi cho xây dựng và phát triển nền kinh tế số một cách nhanh chóng, nhưng Việt Nam lại có không ít những thách thức, cả khách quan và chủ quan. Phát triển kinh tế số ở Việt Nam vẫn đang đối mặt với rất nhiều khó khăn. Đó là sự mất cân bằng giữa các lĩnh vực, vùng miền; những đối tượng yếu thế ở vùng sâu vùng xa gặp khó khăn trong tiếp cận kinh tế số; những vấn đề về mặt pháp lý, an ninh mạng và việc đảm bảo quyền riêng tư của người dùng; nhận thức, thói quen và chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa thực sự sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, thể chế, chính sách cũng còn nhiều bất cập. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia mới được hình thành, chưa đồng bộ và hiệu quả. Quá trình chuyển đổi số quốc gia còn chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp.

Ngoài ra, lực lượng lao động của Việt Nam còn thiếu những kỹ năng cần thiết để hoàn toàn làm chủ kinh tế số. Trình độ lực lượng lao động của Việt Nam cũng là một thách thức để chuyển đổi số nền kinh tế. Lực lượng lao động Việt Nam chủ yếu thuộc nhóm có kỹ năng thấp với tỷ lệ hơn 40% (cao nhất khu vực Đông Nam Á) và chỉ khoảng 10% lực lượng lao động có kỹ năng cao (so với hơn 20% của Malaysia, Philippines và hơn 50% của Singapore). Trong khi đó, để thích ứng với các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao của quá trình chuyển đổi số và tự động hóa đòi hỏi số lượng lớn lao động có kỹ năng cao...

Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Để chuyển đổi số thành công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, thời gian tới, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, quán triệt và thực hiện tốt quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc chủ động tham gia, tăng cường năng lực tiếp cận CMCN 4.0, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp thông minh, phát triển nền kinh tế số trong toàn hệ thống chính trị và doanh nghiệp. Theo đó, cần đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong phát triển nền kinh tế số, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và hoạt động trong môi trường kinh tế số; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn dân hưởng ứng và đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp thông minh ở Việt Nam; Nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của nền kinh tế số trong đời sống kinh tế – xã hội và ý thức trong sử dụng các dịch vụ điện tử để hướng đến một nền kinh tế không dùng tiền mặt.

Theo đó, các quy định không chỉ tập trung hoàn thiện trong lĩnh vực thanh toán truyền thống như trước đây, mà cần hoàn thiện chính sách cũng như tạo ra môi trường vừa cạnh tranh đồng thời hợp tác cùng phát triển giữa các ngân hàng thương mại với các công ty công nghệ tài chính và các doanh nghiệp công nghệ lớn. Các mô hình doanh nghiệp tài chính mới này không chỉ đặt ra các khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát mà đòi hỏi các cơ quan chức năng cần sớm hoàn thiện các văn bản quy định pháp luật, đặc biệt là Luật Giao dịch điện tử cũng như các khuôn khổ pháp luật khác.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh

nh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi, phát triển trong nền kinh tế số. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi và ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tự chuyển đổi sang thành các doanh nghiệp thông minh, các doanh nghiệp khởi nghiệp; Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển các doanh nghiệp công nghệ, ưu tiên phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ cao thực hiện thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất thêm những chính sách ưu đãi về thuế cho các lĩnh vực phần mềm, khu công nghệ cao, công viên phần mềm. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển, kinh doanh công nghệ mới, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.

Ba là, đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội để đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế số hiện nay; Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử với hạ tầng công nghệ thông minh; Hình thành và vận hành một chính quyền điện tử đủ mạnh, thông suốt, thủ tục hành chính gọn nhẹ, nhanh chóng tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất; Xây dựng cơ sở dữ liệu số của Chính phủ và chính quyền các cấp, tạo điều kiện để mọi công dân, nhất là doanh nghiệp có.

Bốn là, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho nền kinh tế số; Chú trọng công tác bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh mạng. Tập trung bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng không chỉ ở cấp quốc gia mà còn ở từng cơ quan, đơn vị các cấp và từng doanh nghiệp, nhất là hệ thống tài chính – tiền tệ và các cơ quan chính phủ được số hóa.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
2. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
3. Nguyễn Minh Phong (2022), Kinh tế số và khát vọng hùng cường, Báo chính phủ;
4. Trần Quang Tuyến - Lê Văn Đạo (2021), Chuyển đổi số nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới, Tạp chí cộng sản;
5. Bùi Kim Thanh (2021), Phát triển kinh tế số ở Việt Nam, Tạp chí Tuyên giáo.

Thông tin tác giả:

ThS. Trần Văn Kiên - Học viện Ngân hàng
Email: trankienhvnst@gmail.com

PHƯƠNG PHÁP ƯỚC TÍNH TĂNG TRƯỞNG GDP THÁNG

ĐẶNG NGỌC TÚ

Để có thể theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế thường xuyên và kịp thời, đáp ứng yêu cầu của chính sách tiền tệ, một số nước công bố thêm chỉ số GDP hàng tháng bên cạnh GDP hàng quý. Dựa trên phương pháp hồi quy giản đơn đối với số liệu quý, nghiên cứu này ước tính tăng trưởng GDP tháng của Việt Nam từ hai chỉ số thống kê tháng là tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng và chỉ số sản xuất công nghiệp. Dựa trên xu hướng tăng trưởng GDP tháng ước tính được, nghiên cứu dự báo tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm là 6,5% và mục tiêu 6,5% cho tăng trưởng GDP cả năm 2022 là khả thi.

Từ khóa: Tăng trưởng GDP tháng, ước lượng hồi quy, dự báo ngắn hạn

ESTIMATION APPROACH FOR MONTHLY GDP GROWTH

Dang Ngoc Tu

In order to monitor economic growth regularly and timely, to meet the requirements of monetary policy, some countries have released monthly GDP in addition to quarterly GDP. Based on an ordinary least squares method for quarterly data, the study estimates Vietnam's monthly GDP growth from two monthly indicators, namely retail sales of goods and services and index of industrial production. Based on the estimated monthly GDP growth trend, the study forecasts that GDP growth in the first half of the year is 6.5% and the target of 6.5% for 2022 GDP growth is attainable.

Keywords: Monthly GDP growth, regression estimation, short-run forecasting

Ngày nhận bài: 4/5/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 19/5/2022

Ngày duyệt đăng: 26/5/2022

Mở đầu

Một trong những chỉ số quan trọng phản ánh tình hình kinh tế trong ngắn hạn là GDP quý. Tuy nhiên, việc thống kê GDP quý đòi hỏi nhiều thời gian và thường được công bố vào thời điểm khá lâu sau ngày cuối quý, chẳng hạn đối với Anh là sau 25 ngày, Mỹ sau 30 ngày, Nhật Bản, Ý, Đức sau 44 ngày, Pháp sau 45 ngày và Canada thậm chí là sau 60 ngày. Không những thế, những thời hạn công bố trên mới chỉ là đối với số ước tính lần đầu, thời hạn công bố số ước tính lần hai và số chính thức còn lâu hơn nhiều (Bean, 2016).

Trong khi đó, ở nhiều nước, chính sách tiền tệ cần điều chỉnh thường xuyên hơn mức hàng quý và do đó các ngân hàng trung ương không những phải dự tính trước tăng trưởng GDP quý mà còn phải nắm được tình hình đang diễn ra giữa các tháng trong quý (Mitchell, Smith, Weale, Wright, & Salazar, 2005). Do đó, việc Tổng cục Thống kê của Việt Nam công bố tăng trưởng GDP vào cuối quý mặc dù sớm hơn nhiều so với các nước khác nhưng vẫn chưa đủ đáp ứng yêu cầu của chính sách tiền tệ.

Thực tế cho thấy, để theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, các nhà phân tích có thể dựa vào một số chỉ số thống kê tháng nhưng theo Mitchell et al. (2005) thì mỗi chỉ số chỉ phản ánh một cấu phần của GDP và cần có một chỉ số tổng hợp có khả năng phản ánh toàn bộ GDP. Do đó, một số tổ chức đã công bố chỉ số tổng hợp GDP tháng, như HIS Market, Bộ Phát triển Kinh tế Nga và nhất là Cơ quan Thống kê Anh. Với Cơ quan Thống kê Anh, chỉ số GDP tháng được ước tính từ 3 chỉ số: chỉ số dịch vụ, chỉ số sản xuất và chỉ số xây dựng (Scruton, O'Donnell, & Dey-Chowdhury, 2018).

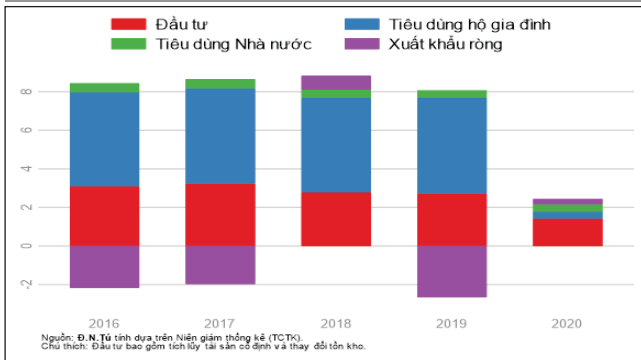
Mục tiêu của nghiên cứu này là đề xuất phương pháp ước tính tăng trưởng GDP tháng cho Việt Nam từ một số chỉ số thống kê tháng có sẵn.

Phương pháp ước tính tăng trưởng GDP tháng

Một cách chính thức, GDP được đo bằng 1 trong 3 phương pháp sau: phương pháp sản xuất, phương pháp thu nhập và phương pháp chi tiêu với số liệu từ thống kê tài khoản quốc gia. Về nguyên tắc, GDP đo bằng 3 phương pháp trên phải cho cùng kết quả. Theo phương pháp chi tiêu GDP được tính theo công thức:

$$GDP=C+G+I+X-M$$

HÌNH 1: ĐÓNG GÓP TĂNG TRƯỞNG GDP TỪ TỔNG CẦU, 2016-2020
điểm % tăng GDP, giá so sánh



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

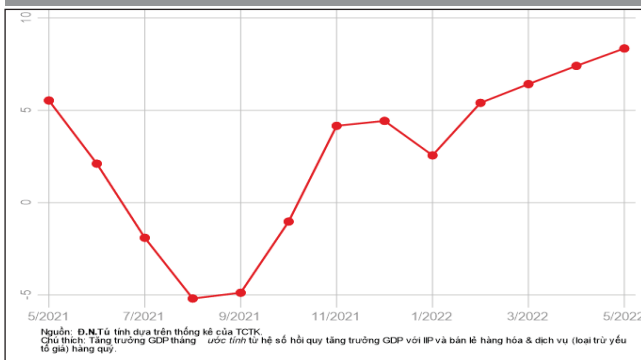
Trong đó, C là tiêu dùng hộ gia đình, G là tiêu dùng Nhà nước, I là đầu tư, X là xuất khẩu và M là nhập khẩu. Theo đó, tăng trưởng GDP phụ thuộc vào tăng trưởng của tiêu dùng (hộ gia đình và Nhà nước), đầu tư, xuất khẩu và nhập khẩu. Trong số những yếu tố trên tiêu dùng Nhà nước đóng góp cho tăng trưởng GDP không lớn và ít thay đổi nên có thể bỏ qua (Hình 1). Cho dù vậy, các thành phần còn lại của tổng cầu cho đến nay vẫn chưa được thống kê theo tháng và buộc phải đại diện bởi các chỉ số thống kê tháng có sẵn khác, cụ thể như sau:

Tiêu dùng hộ gia đình đại diện bởi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (sau đây gọi tắt là doanh số bán lẻ);

Đầu tư, xuất khẩu và nhập khẩu đại diện chung bởi chỉ số sản xuất công nghiệp (sau đây viết tắt là IIP). Nhập khẩu sơ dĩ cũng có thể đại diện bởi sản xuất công nghiệp vì trong tổng kim ngạch nhập khẩu, nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm tỷ trọng trên 90%.

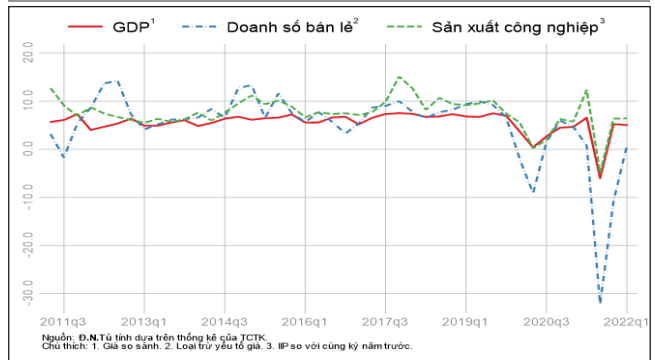
Trong các mô hình kinh tế lượng tần suất tháng, IIP thường được dùng để đại diện cho tăng trưởng GDP hàng tháng. Điều này là hợp lý trong điều kiện nền kinh tế hoạt động bình thường, khi tiêu dùng quyết định chủ yếu bởi yếu tố thu nhập (tăng trưởng GDP). Tuy nhiên, từ cuối năm 2020 đến nay,

HÌNH 3: TĂNG TRƯỞNG GDP THÁNG, 5/2021-5/2022
% tăng (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

HÌNH 2: TĂNG TRƯỞNG GDP SO VỚI BÁN LẺ VÀ SẢN XUẤT, Q2/2011-Q1/2022, % tăng (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

tiêu dùng chịu ảnh hưởng bởi các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 nhiều hơn yếu tố thu nhập (như thể hiện trong Hình 2); nói cách khác tiêu dùng không còn là nội sinh (endogenous) mà trở thành ngoại sinh (exogenous). Khi đó, riêng IIP không đủ đại diện cho tăng trưởng GDP hàng tháng mà cần có thêm doanh số bán lẻ.

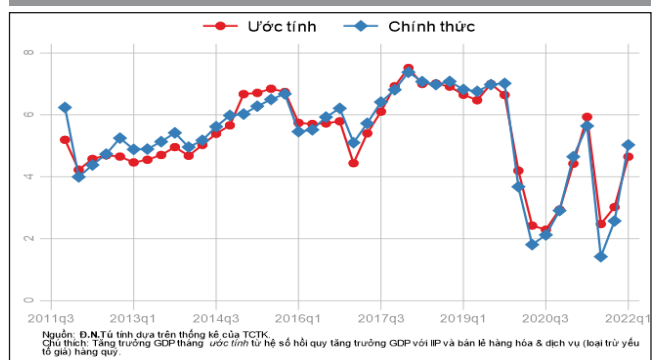
Để ước tính tăng trưởng GDP tháng từ 2 chỉ số: IIP và doanh số bán lẻ, trước hết cần biết quan hệ giữa tăng trưởng GDP và 2 chỉ số này. Quan hệ này có thể biết được thông qua ước lượng phương trình hồi quy theo quý giữa tăng trưởng GDP và 2 chỉ số:

$$dQGD P_q = \beta_0 + \beta_1 dQSALE_q + \beta_2 QIIP_q + \varepsilon_q \quad (1)$$

trong đó, QGDP và QSALE tương ứng là GDP quý và doanh số bán lẻ quý, QIIP là chỉ số sản xuất công nghiệp quý so với cùng kỳ năm trước; d ký hiệu cho tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước; β_0 đại diện cho các yếu tố cố định trong ngắn hạn (các yếu tố của hàm sản xuất và các thành phần khác của tổng cầu) có ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP quý, β_1 và β_2 là các hệ số đại diện cho mức độ ảnh hưởng tương ứng của doanh số bán lẻ và sản xuất công nghiệp đến tăng trưởng GDP quý; q ký hiệu cho các quan sát tần suất quý.

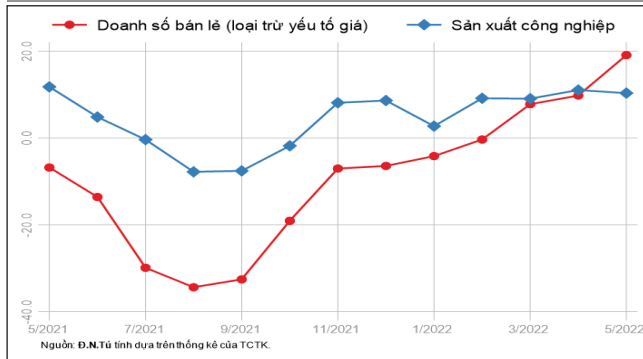
Sau khi ước lượng Phương trình 1 các giá trị ước

HÌNH 4: TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ CỘNG ĐỔN TỪ ĐẦU NĂM, Q4/2011-Q1/2022, % tăng (so cùng kỳ năm trước)



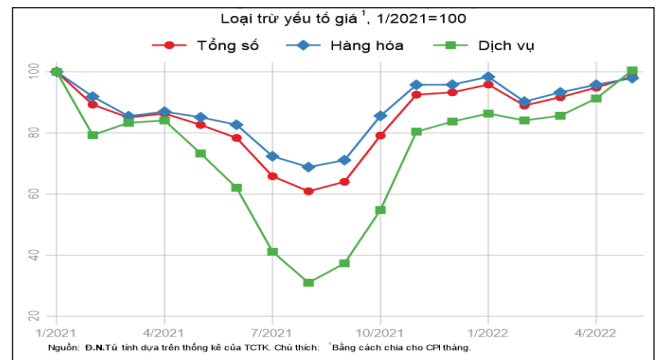
Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

HÌNH 5: DOANH SỐ BÁN LẺ VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG, 5/2021-5/2022, % tăng (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

HÌNH 6: BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ, 1/2021-5/2022



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

lượng $\hat{\beta}$ có được sẽ dùng để ước tính tăng trưởng GDP tháng $dMGDP$ như sau:

$$dMGDP_m = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 dMSALE_m + \hat{\beta}_2 MIIP_m \quad (2)$$

trong đó, $MGDP$ và $MSALE$ tương ứng là GDP tháng và doanh số bán lẻ tháng, $MIIP$ là chỉ số sản xuất công nghiệp tháng so với cùng kỳ năm trước; ký hiệu $\hat{\beta}$ hàm ý tăng trưởng GDP tháng tính theo công thức trên chỉ là giá trị ước tính; m ký hiệu cho các quan sát tần suất tháng.

Kết quả ước tính tăng trưởng GDP tháng

Giải thích số liệu

Số liệu dùng cho ước lượng theo quý tăng trưởng GDP với sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ cũng như cho ước tính tăng trưởng GDP tháng được giải thích như sau:

Thứ nhất, do tăng trưởng GDP tính theo GDP giá so sánh nên tăng trưởng doanh số bán lẻ và tăng trưởng sản xuất công nghiệp cũng phải tính theo giá so sánh hay nói cách khác là phải loại trừ yếu tố giá. Theo cách thống kê của Tổng cục Thống kê chỉ số IIP so với cùng năm trước hàng tháng đã loại trừ yếu tố giá, nhưng mức tăng doanh số bán lẻ so với cùng kỳ năm trước hàng tháng thì chưa loại trừ yếu tố giá (TCTK chỉ công bố mức tăng doanh số bán lẻ loại trừ yếu tố giá đối với số cộng dồn từ đầu năm). Để loại trừ yếu tố giá, nghiên cứu này lấy doanh số bán lẻ giá hiện hành hàng tháng chia cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tháng tương ứng trước khi tính mức tăng so với cùng kỳ năm trước.

Thứ hai, đối với Phương trình 1, doanh số bán lẻ quý tính bằng tổng doanh số bán lẻ loại trừ yếu tố giá của các tháng trong quý ($QSALE = \sum_{i=1}^3 MSALE_i$); IIP quý (TCTK mới bắt đầu công bố IIP quý từ quý I/2018) tính bằng trung bình IIP các tháng trong quý ($QIIP = \sum_{i=1}^3 MIIP_i/3$).

Kết quả ước tính

Dựa trên 44 quan sát từ quý II/2011 đến quý II/2022, ước lượng Phương trình 1 được kết quả như sau:

$$dQGD = 2.09 + 0.13dSALE + 0.37QIIP$$

trong đó, các biến số đều có ý nghĩa thống kê thấp hơn nhiều mức 5% và $R^2=79,25\%$ (Bảng 1). Kết quả ước lượng có thể diễn giải như sau: Trong ngắn hạn, tăng trưởng GDP thay đổi giữa các quý chủ yếu bởi thay đổi về tiêu dùng và sản xuất công nghiệp; trong đó, sản xuất công nghiệp có vai trò lớn hơn khi $\hat{\beta}_2 (= 0.37) > \hat{\beta}_1 (= 0.13)$.

Các giá trị ước lượng $\hat{\beta}$ nêu trên sẽ được thay vào Phương trình 2 để ước tính tăng trưởng GDP tháng và kết quả được biểu diễn trên Hình 3. So với tăng trưởng GDP quý, tăng trưởng GDP tháng cho phép theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế sớm và thường xuyên hơn, nhất là trong giai đoạn nền kinh tế chịu tác động lớn của diễn biến dịch COVID-19.

Kiểm tra độ chắc chắn của phương pháp

Việc kiểm tra độ chắc chắn (robustness check) của phương pháp ước tính GDP tháng nêu trên được tiến hành theo 2 bước sau:

Thứ nhất, thay vì ước tính tăng trưởng GDP tháng như Phương trình (2), nghiên cứu sẽ ước tính tăng trưởng GDP cộng dồn (từ đầu năm đến tháng hiện tại) theo phương trình sau:

$$dAGDP_m = \hat{\beta}_0 + \hat{\beta}_1 dASALE_m + \hat{\beta}_2 AIIP_m \quad (3)$$

Trong đó, $AGDP$ và $ASALE$ tương ứng là GDP cộng dồn (từ đầu năm) và doanh số bán lẻ cộng dồn, $AIIP$ là IIP cộng dồn so với cùng kỳ năm trước. Lưu ý là các $\hat{\beta}$ là các giá trị ước lượng Phương trình 1 và số liệu vẫn theo tần suất tháng như Phương trình 2.

Thứ hai, số tăng trưởng GDP cộng dồn ước tính sẽ được so sánh với số do TCTK công bố vào các

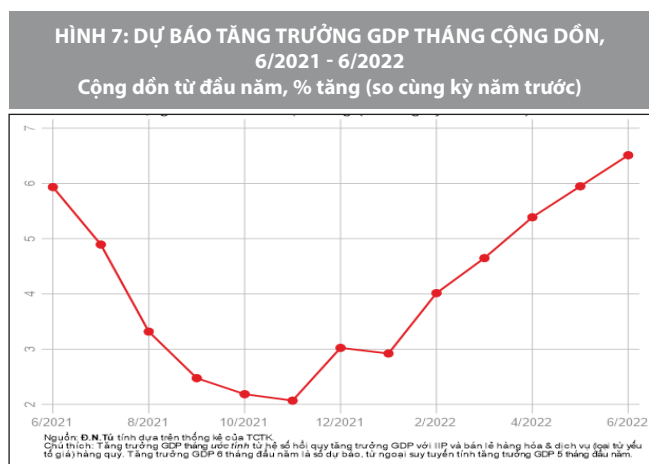
tháng cuối quý để tính mức độ sai số. Hình 2 cho thấy sai số giữa số ước tính và số do TCTK công bố là không đáng kể. Như vậy, có cơ sở để khẳng định về tính chắc chắn của phương pháp ước tính tăng trưởng GDP đã được thực hiện.

Ứng dụng chỉ số tăng trưởng GDP tháng

Hình 3 phản ánh rõ nét xu hướng phục hồi tăng trưởng kinh tế bắt đầu từ tháng 10/2021. Trong khi tốc độ tăng sản xuất công nghiệp hầu như không tăng kể từ tháng 11/2021 (Hình 5), tiêu dùng đang là động lực chính cho phục hồi tăng trưởng các tháng vừa qua. Phân tích kỹ hơn các thành phần của tiêu dùng cho thấy mặc dù tiêu dùng hàng hóa và tiêu dùng dịch vụ đều phục hồi mạnh, nhưng tiêu dùng dịch vụ phục hồi mạnh hơn; nhất là trong tháng 5 tiêu dùng dịch vụ (loại trừ yếu tố giá) đã khôi phục về mức của tháng 1/2021 trong khi tiêu dùng hàng hóa vẫn thấp hơn mức của tháng 1/2021. Khi dịch bệnh đã được kiểm soát, đi lại trong nước và quốc tế đã được bình thường hóa, tiêu dùng, nhất là tiêu dùng dịch vụ sẽ tiếp tục phục hồi mạnh trong các tháng tới.

Căn cứ ước tính tăng trưởng GDP tháng 4 và 5 (tương ứng là 7,4% và 8,4%, cao hơn nhiều tăng trưởng GDP quý I là 5%), tăng trưởng GDP quý II dự đoán sẽ cao hơn nhiều quý I. Như vậy, tăng trưởng GDP tháng có thể xem như một chỉ số dẫn báo (leading indicator) cho tăng trưởng GDP quý hay chỉ số dự phóng (nowcasting) tăng trưởng GDP (Hara & Yamane, 2013).

Hình 7 cho thấy, kể từ tháng 2/2022 tăng trưởng GDP cộng dồn từ đầu năm đang tăng theo xu hướng tuyến tính và với xu hướng phục hồi tiêu dùng nêu trên có thể cho rằng xu hướng này tiếp tục được duy trì trong tháng 6. Theo đó, tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm dự báo là 6,5%. Với mức tăng trưởng này của 6 tháng đầu năm mục tiêu 6,5% cho tăng trưởng GDP cả năm 2022 là khả thi.



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

BẢNG 1: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG PHƯƠNG TRÌNH 1

Source	SS	df	MS	Number of obs	=	44
Model	175.057202	2	87.5286009	F(2, 41)	=	78.28
Residual	45.8455838	41	1.11818497	Prob > F	=	0.0000
				R-squared	=	0.7925
				Adj R-squared	=	0.7823
Total	220.902786	43	5.13727408	Root MSE	=	1.0574

dQGD	Coef.	Std. Err.	t	P> t	[95% Conf. Interval]
dQSALE	.1292352	.0288274	4.48	0.000	.071017 .1874533
QIIP	.365574	.0669252	5.46	0.000	.2304158 .5007322
_cons	2.087356	.4560382	4.58	0.000	1.166368 3.008344

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu từ Tổng cục Thống kê

Kết luận và hàm ý chính sách

Tăng trưởng GDP tháng là một chỉ số cho phép theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế thường xuyên và kịp thời hơn tăng trưởng GDP quý, nhằm đáp ứng yêu cầu phải thường xuyên điều chỉnh của chính sách tiền tệ. Nói cách khác tăng trưởng GDP tháng là chỉ số dẫn báo cho tăng trưởng GDP quý hay chỉ số dự báo tăng trưởng GDP. Nghiên cứu này đã dựa trên phương pháp hồi quy giản đơn đối với số liệu quý để ước tính tăng trưởng GDP tháng của Việt Nam từ 2 chỉ số thống kê tháng là tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng và chỉ số sản xuất công nghiệp. Kết quả ước tính tăng trưởng GDP tháng cho phép nghiên cứu dự báo tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm là 6,5% và mục tiêu 6,5% cho tăng trưởng GDP cả năm 2022 là khả thi.

Hàm ý chính sách rút ra từ nghiên cứu là: Tăng trưởng GDP quý do Tổng cục Thống kê công bố hàng tháng cuối quý chưa đáp ứng được nhu cầu của chính sách tiền tệ cần theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế thường xuyên và kịp thời hơn. Do đó, bên cạnh tăng trưởng GDP quý, Tổng cục Thống kê cần nghiên cứu, xây dựng và công bố chỉ số tăng trưởng GDP tháng như một chỉ số dự phóng tăng trưởng GDP. Chỉ số này có thể là chỉ số tổng hợp từ các chỉ số thống kê tháng sẵn có.

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê (2021), Niên giám thống kê 2020;
2. Bean, C. (2016), *Independent Review of UK Economic Statistics*;
3. Hara, N., & Yamane, S. (2013), *New Monthly Estimation Approach for Nowcasting GDP Growth: The Case of Japan*. Bank of Japan Working Paper Series, 13(14);
4. Mitchell, J., Smith, R. J., Weale, M. R., Wright, S., & Salazar, E. L. (2005), *An Indicator of Monthly GDP and an Early Estimate of Quarterly GDP Growth*. *The Economic Journal*, 115(501), F108-F129;
5. Scruton, J., O'Donnell, M., & Dey-Chowdhury, S. (2018), *Introducing a new publication model for GDP*. Office for National Statistics.

Thông tin tác giả:

TS. Đặng Ngọc Tú - Chuyên gia kinh tế độc lập
Email: dangnt@gmail.com